

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định xét xử bổ sung số 358A/2021/QĐXX-ST ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung T212, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 9, thị t, huyện t, tỉnh c .

- *Bị đơn:* Chị Lê Kim P, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 9, thị t, huyện t, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2020, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, tại phiên tòa anh Nguyễn Trung T212 trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Trung T212 và chị Lê Kim P chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện; nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm, anh và chị P đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh và chị P có 02 người con tên Nguyễn Bích T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013. Hiện nay các cháu đang sống với chị P. Khi ly hôn Nguyễn Bích T1 đã trưởng

thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013 yêu cầu giải quyết theo nguyên vọng của con. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T212 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản làm việc ngày 07/12/2020, bị đơn chị Lê Kim P trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị P không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Trung T212. Do không có mâu thuẫn gì lớn. Hơn nữa anh T212 đi sống với người phụ nữ khác để chị phụng dưỡng cha mẹ chồng lớn tuổi do anh T212 là con trai út, gia đình bên chồng không đồng ý việc anh T212 và chị ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Bích T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 07/9/2013 đúng như anh T212 trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị thống nhất như trình bày của anh T212.

- Về tài sản chung và nợ: Chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị Lê Kim P vẫn vắng mặt tại tòa.

Tại phiên tòa, anh T212 cương quyết ly hôn với chị P.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Về hôn nhân của anh T212 và chị P quá trình giải quyết vụ án quan xác minh không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng; về con chung có 02 người con Nguyễn Bích T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 07/9/2013 giao cho chị P trực tiếp nuôi. Phía chị P vắng mặt không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Lê Kim P có nơi cư trú tại ấp Kinh Tư, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Trung T212 khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Lê Kim P, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Anh T212 là người khởi kiện nên xác định tư cách

đương sự anh T212 là nguyên đơn, chị P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T212 có mặt, chị P vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Trung T212 và chị Lê Kim P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh và chị không đăng ký kết hôn theo luật định (Căn cứ theo Công văn phúc đáp số 292/PTP ngày 07/12/2020 của Phòng Tư pháp huyện Trần Văn Thời). Anh T212 và chị P không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh và chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Chị P xin đoàn tụ nhưng chị không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì, thực tế hôn nhân phải được xây dựng trên tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau, chỉ một mình chị P cố gắng hàn gắn trong khi anh T212 xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa anh T212 và chị P là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Anh T212 và chị P có 02 người con tên Nguyễn Bích T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013. Khi ly hôn anh yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013. Đối với cháu Nguyễn Bích T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, con chung tên Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013. Hiện nay cháu đang sống chung với chị P, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt, từ khi anh T212 sống ly thân với chị P đến nay thì cháu T212 vẫn sống chung với chị. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với ước nguyện của cháu T212 tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 23/10/2020). Anh T212 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Anh T212 không đặt ra, chị P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Anh T212 và chị P xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh T212 phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Trung T212 và chị Lê Kim P là vợ chồng.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T212, sinh ngày 09/7/2013 cho chị Lê Kim P được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T212 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trung T212 phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 13/10/2020 anh T212 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004138 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**

